

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 17-6-2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Kim Linh Chi

2. Ông Lê Minh Tranh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Hoàng Diệp- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 257/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Triệu Thị Hồng N**- Sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu 2, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Bị đơn:** Anh **Trịnh Công B** - Sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm Xi, khu 4 (nay là khu 3), xã L, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị Hồng N trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị Hồng N và anh Trịnh Công B đăng ký kết hôn ngày 05/10/2011 tại UBND xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh B tại Xóm Xi, khu 4 (nay là khu 3), xã L, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, chị N chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại khu 2, xã H, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Công B.

*Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp:* Chị N xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Phía bị đơn là anh Trịnh Công B vắng mặt:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B vắng mặt không có lý do. Ngày 12/2/2020, Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh B được đại diện chính quyền địa phương cho biết: Chị Triệu Thị Hồng N và anh Trịnh Công B đăng ký kết hôn ngày 05/10/2011 tại UBND xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh B tại Xóm Xi, khu 4 (nay là khu 3), xã L, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Sau đó chị N chuyển ra khỏi nhà anh B cho đến nay không quay lại. Từ năm 2019 cho đến nay, anh B đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng có về nhà nhưng cụ thể anh B ở đâu thì khu dân cư không biết.

Đồng thời, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì tiến hành lấy lời khai của bà Bùi Thị T là mẹ đẻ của anh Trịnh Công B. Bà T xác nhận việc chị N và anh B đăng ký kết hôn năm 2011, bà Thành có biết về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh B, hai bên đã sống ly thân từ lâu. Đến đầu năm 2019 anh B đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng anh B có về thăm gia đình nhưng cụ thể anh B đi đâu, làm gì ở đâu bà không biết. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án bà T đã nhận và khi anh B liên lạc về bà có thông báo với anh B nhưng anh B không có ý kiến gì. Nay chị N xin ly hôn anh B, gia đình bà T không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật HNGĐ; căn cứ khoản 1 Điều 28; 35; 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Xử: Chị N được ly hôn với anh B.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức chung: Xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về tố tụng:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về sự vắng mặt của anh Trịnh Công B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 13/5/2020, Tòa án đưa vụ án ra xét xử và niêm yết tại nơi cư trú của anh B nhưng anh B vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, đã niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của anh B. Tại phiên tòa hôm nay anh B vắng mặt không có lý do, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trịnh Công B là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2]. Về nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Hồng N và anh Trịnh Công B đăng ký kết hôn ngày 05/10/2011 tại UBND xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh B tại Xóm Xi, khu 4 (nay là khu 3), xã L, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay, chị N chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại khu 2, xã H, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Từ năm 2019, anh B đi làm xa nhà, thỉnh thoảng có về, nhưng chị N và gia đình anh B đều không biết cụ thể anh B ở đâu, làm gì. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị N cương quyết xin ly hôn còn anh B vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị Hồng N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị N và anh B đã xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân từ lâu và hai bên không còn quan tâm đến nhau. Tại biên bản xác minh ngày 12/02/2020 tại nơi cư trú và gia đình của anh B cũng thể hiện giữa chị N và anh B xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Từ năm 2019, anh B đi làm ăn xa thỉnh thoảng có về nhưng cụ thể đi đâu khu dân cư và gia đình không nắm rõ. Như vậy, có thể khẳng định vợ chồng chị N và anh B có mâu thuẫn. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ vì cuộc sống chung giữa chị N và anh B không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị N được ly hôn anh B là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Vì anh B vắng mặt không có quan điểm và chị N xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Các Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Hồng N, xử cho chị Triệu Thị Hồng N được ly hôn với anh Trịnh Công B.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Hội đồng xét xử

không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị Hồng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/000824 ngày 05/2/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án TP Việt Trì;
- UBND xã H, V, Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thị Thanh Huyền**

